



HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ RỪNG QUỐC GIA

VFCS/PEFC ST 1004:2026

QUẢN LÝ RỪNG THEO NHÓM – CÁC YÊU CẦU

Group forest management – Requirements

VFCO

46 Đức Thắng
Phường Đông Ngạc
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

T: +84 2466857688
E: info@vfcs.vn
W: <https://vfcs.vn>

Thông tin bản quyền

© VFCS 2026

Tài liệu này thuộc sở hữu của Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS). Tài liệu này được cung cấp miễn phí tại website của VFCS tại www.vfcs.vn

Không được sửa đổi, bổ sung, sao chép hoặc nhân bản bất kỳ phần nào của tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào nhằm mục đích thương mại nếu không có sự cho phép bằng văn bản của tổ chức quản lý/vận hành VFCS.

Phiên bản chính thức của tài liệu này là bản tiếng Việt. Bản dịch của tài liệu có thể được cung cấp bởi tổ chức quản lý/vận hành VFCS. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc nghi ngờ về cách diễn giải ngôn ngữ, bản tiếng Việt là bản tham chiếu.

Tên tài liệu:	Quản lý rừng theo nhóm – Các yêu cầu
Mã tài liệu:	VFCS/PEFC ST 1004:2026
Phê duyệt bởi:	Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững
Ngày phê duyệt	28/05/2026
Ngày công bố:	28/05/2026
Ngày có hiệu lực:	Khi được PEFC công nhận
Thời gian chuyển tiếp	Trong 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực
Ngày xem xét sửa đổi định kỳ tiếp theo:	27/05/2031

Mục lục

Giới thiệu	4
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Tài liệu viện dẫn	5
3 Thuật ngữ và định nghĩa	5
4 Yêu cầu chung	7
4.1 Tổ chức nhóm	7
4.2 Xác định nhu cầu và mong muốn của bên liên quan bị ảnh hưởng	8
4.3 Xác định phạm vi hệ thống quản lý nhóm	8
4.4 Hệ thống quản lý nhóm	8
5 Yêu cầu cụ thể	8
5.1 Chức năng và trách nhiệm của chủ thể nhóm	8
5.2 Chức năng và nhiệm vụ của thành viên nhóm	9
5.3 Cam kết và quy định	10
5.4 Lập kế hoạch	10
5.5 Hỗ trợ	10
5.6 Quản lý hoạt động của nhóm	11
5.7 Giám sát và đánh giá	11
5.8 Đánh giá nội bộ	11
5.9 Xem xét của lãnh đạo nhóm	13
5.10 Sự cải tiến	13
Tài liệu tham khảo	15

Giới thiệu

Ở Việt Nam, hơn 40% diện tích rừng trồng và phần lớn diện tích cây ngoài rừng được quản lý bởi cá nhân, hộ gia đình. Sự hạn chế về nguồn lực tài chính và khả năng tiếp cận tiến bộ kỹ thuật trong quản lý và kinh doanh rừng, cây ngoài rừng của các chủ quản lý này là những rào cản chủ yếu trong việc tiếp cận và đáp ứng các yêu cầu của thị trường về quản lý rừng bền vững – một trong các điều kiện quan trọng trong thương mại lâm sản.

Chứng nhận quản lý rừng theo nhóm là cách tiếp cận thay thế cho chứng chỉ rừng đơn, cho phép chủ rừng và chủ quản lý cây ngoài rừng nhỏ lẻ được tự nguyện tham gia và hình thành nhóm và được cấp chung theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững. Cách tiếp cận này giúp giảm chi phí chứng nhận, cải thiện việc phổ biến thông tin cũng như sự hợp tác trong quá trình quản lý rừng giữa các chủ rừng, chủ quản lý cây ngoài rừng nhỏ lẻ. Một số điểm không áp dụng cho chứng nhận nhóm khi so sánh với chứng nhận đơn và các quy trình, thủ tục phát sinh đối với chứng nhận theo nhóm không làm giảm mức độ tuân thủ các yêu cầu của VFCS và PEFC về quản lý rừng bền vững.

Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm (VFCS/PEFC ST 1004) ban hành năm 2019 nhằm cập nhật các yêu cầu về quản lý rừng bền vững theo các quy định pháp luật Lâm nghiệp và các yêu cầu của thị trường trong bối cảnh mới.

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về quản lý rừng theo nhóm để chứng nhận quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn áp dụng trong Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS) và thay thế tiêu chuẩn VFCS/PEFC ST 1004:2019.

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu quản lý rừng theo nhóm để chứng nhận theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững áp dụng trong Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS).

Các yêu cầu đối với quản lý rừng theo nhóm áp dụng đối với chủ thể nhóm và các thành viên nhóm nhằm quản lý nhóm và bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và các yêu cầu khác áp dụng trong VFCS.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu tham khảo sau đây là cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi (nếu có).

VFCS/PEFC ST 1003:2026, *Quản lý rừng bền vững - Các yêu cầu*

PEFC ST 1002:2018, *Quản lý rừng theo nhóm – Các yêu cầu*

IAF MD 1 — *Tài liệu bắt buộc về chứng nhận tổ chức có nhiều địa điểm dựa trên việc chọn mẫu (IAF MD 1)*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1 Bên liên quan bị ảnh hưởng (*affected stakeholder*)

Tổ chức, cá nhân có thể bị ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện sống và làm việc bởi các hoạt động của Tổ chức nhóm.

Chú thích 1: Các bên liên quan bị ảnh hưởng có thể bao gồm cộng đồng dân cư, người dân địa phương, người lao động,... Tuy nhiên, các tổ chức, cá nhân chỉ quan tâm đến nội dung của tiêu chuẩn (ví dụ các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng khoa học, các tổ chức xã hội) không được coi là bên liên quan bị ảnh hưởng.

Chú thích 2: Bên liên quan có thể là người sử dụng tiêu chuẩn, tức là các đối tượng có khả năng áp dụng tiêu chuẩn và trở thành một chủ thể được cấp chứng chỉ, ví dụ: chủ rừng trong trường hợp áp dụng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, hoặc doanh nghiệp chế biến gỗ trong trường hợp áp dụng tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm.

3.2 Chủ rừng (*forest owner*)

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định pháp luật; tổ chức, cá nhân có quyền hợp pháp về quản lý, kinh doanh rừng.

Chú thích 1: Chủ rừng bao gồm:

- a) Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ;
- b) Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật;
- c) Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng;
- d) Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp;
- đ) Hộ gia đình, cá nhân trong nước;
- e) Cộng đồng dân cư;
- g) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất;
- h) Các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất và rừng hợp pháp khác.

3.3 Chủ quản lý cây ngoài rừng (*owner of trees outside forest*)

Tổ chức, cá nhân có quyền hợp pháp về sử dụng đất để trồng, quản lý cây ngoài rừng.

Chú thích 1: Cây ngoài rừng là cây thân gỗ mọc tự nhiên hoặc cây thân gỗ được trồng trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp, gồm: cây lâm nghiệp; cây công nghiệp lâu năm; cây ăn quả lâu năm; cây đa mục đích lâu năm; cây trồng phân tán trên đất vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh, mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy, nông lâm kết hợp.

3.4 Chủ thể nhóm (*group entity*)

Tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định pháp luật, đại diện cho các chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình thực hiện quản lý rừng theo nhóm (3.2.18), chịu trách nhiệm tổ chức quản lý rừng đảm bảo tuân thủ yêu cầu về quản lý rừng bền vững.

Chú thích 1: Chủ thể nhóm có thể là các cơ quan, tổ chức sau: Chủ rừng, chủ quản lý cây ngoài rừng là tổ chức; Doanh nghiệp; Tổ chức xã hội nghề nghiệp; Liên minh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã; Cơ quan quản lý; Các tổ chức khác được công nhận theo pháp luật.

3.5 Chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm (*group forest certificate*)

Văn bản xác nhận rằng tổ chức nhóm tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và các yêu cầu khác áp dụng trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

3.6 Chứng nhận quản lý rừng theo nhóm (*group forest certification*)

Chứng nhận tổ chức nhóm đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và yêu cầu quản lý rừng theo nhóm áp dụng trong Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia.

3.7 Diện tích được chứng nhận (*certified area*)

Diện tích rừng, cây ngoài rừng đáp ứng các yêu cầu về quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn áp dụng trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS).

Đối với quản lý rừng theo nhóm, diện tích rừng, cây ngoài rừng được chứng nhận là tổng diện tích rừng, cây ngoài rừng của toàn bộ các thành viên nhóm được chứng nhận quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn áp dụng trong VFCS.

3.8 Đánh giá chứng nhận (*audit*)

Quy trình có hệ thống, độc lập và được lập thành tài liệu nhằm thu thập các hồ sơ, tài liệu hoặc những thông tin liên quan và đánh giá chúng một cách khách quan, trung thực, qua đó xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu đã được quy định.

3.9 Đánh giá nội bộ (*Internal audit*)

Quy trình có hệ thống, độc lập và được lập thành tài liệu nhằm thu thập các hồ sơ, tài liệu hoặc những thông tin liên quan và đánh giá chúng một cách khách quan, trung thực, qua đó xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu đã được quy định, và được thực hiện bởi chính **tổ chức nhóm** (đánh giá của bên thứ nhất).

3.10 Giám sát (*monitoring*)

Việc xác định tình trạng của một hệ thống, một quá trình hoặc một hoạt động.

3.11 Hệ thống quản lý nhóm (*group management system*)

Tập hợp các yếu tố có mối quan hệ hoặc tác động qua lại của một tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu và kết quả của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững.

3.12 Kế hoạch quản lý nhóm (*group management plan*)

Tài liệu mô tả mục tiêu cụ thể, kế hoạch hành động và giám sát. Tài liệu này cũng bao gồm các thay đổi theo kế hoạch của hệ thống quản lý nhóm và các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm.

3.13 Thông tin dạng văn bản (*documented information*)

Những thông tin bắt buộc phải được kiểm soát và duy trì của một tổ chức, có thể được lưu trữ bằng bất kỳ hình thức nào, từ bất kỳ nguồn nào.

3.14 Tài liệu xác nhận tham gia chứng nhận rừng theo nhóm (*document confirming participation in group forest certification*)

Văn bản được cấp cho **thành viên nhóm** viện dẫn đến chứng chỉ rừng theo nhóm và xác nhận thành viên tham gia đó thuộc phạm vi của chứng nhận rừng theo nhóm.

Chú thích: Tài liệu này có thể được coi là một chứng chỉ phụ hoặc một xác nhận tham gia chứng chỉ nhóm.

3.15 Tổ chức nhóm (*group organization*)

Một nhóm gồm các **thành viên nhóm** và **chủ thể nhóm**, trong đó chủ thể nhóm có vai trò là đại diện. Tổ chức nhóm có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý rừng được quy định trong tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững áp dụng trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Cơ chế hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của thành viên và chủ thể nhóm được quy định thông qua một cam kết chính thức bằng văn bản.

CHÚ THÍCH 1: Thuật ngữ “**tổ chức nhóm**” cũng sẽ được hiểu là tổ chức theo khu vực hoặc vùng khi tổ chức này được mở rộng dựa vào ranh giới hành chính hoặc các điều khoản khác được quy định trong VFCS, đồng thời phải tuân thủ các nội dung được đề cập trong định nghĩa này.

3.16 Tổ chức (*organization*)

Người hoặc nhóm người có chức năng chuyên trách với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn cũng như các mối quan hệ riêng để đạt được các mục tiêu của nhóm.

3.17 Thành viên nhóm (*participant*)

Chủ rừng, chủ quản lý cây ngoài rừng có tên trong **chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm**, là người có quyền hợp pháp để quản lý rừng, cây ngoài rừng trong một **diện tích được cấp chứng chỉ** và có đủ năng lực thực hiện những quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững áp dụng trong VFCS.

Chú thích 1: Liên quan đến yêu cầu “có đủ năng lực thực hiện các quy định của tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững áp dụng trong VFCS” đòi hỏi chủ rừng, chủ quản lý cây ngoài rừng phải có quyền quản lý hợp pháp, quyền hưởng dụng hoặc quyền theo phong tục, tập quán để quản lý rừng, cây ngoài rừng, và không kết nạp các nhà thầu thực hiện một lần, tổ chức hay cá nhân hoạt động quản lý rừng, cây ngoài rừng mang tính chất thời vụ trong chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm.

3.18. Quy định (*policy*)

Văn bản nêu rõ phương hướng và định hướng của một **tổ chức** được công khai chính thức bởi người quản lý/ chủ sở hữu hoặc **chủ thể nhóm**.

4 Yêu cầu chung

4.1 Tổ chức nhóm

4.1.1 Phải có chủ thể nhóm và thành viên nhóm. Chủ thể nhóm phải có tư cách pháp nhân được xác định theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.1.2 Tổ chức nhóm phải xem xét các vấn đề bên trong và bên ngoài của tổ chức nhóm có thể ảnh hưởng đến việc thiết lập và vận hành hệ thống quản lý nhóm. Khung tổ chức của tổ chức của tổ chức nhóm phải được xác định theo ít nhất một trong các yếu tố dưới đây:

- Nhóm phân chia theo khu vực: nhóm chủ rừng, chủ quản lý cây ngoài rừng được xác định bởi ranh giới của khu vực;
- Các cách phân chia nhóm khác;
- Một số trường hợp đặc biệt cách phân chia có thể dựa trên những yếu tố có thể ảnh hưởng đến quá trình triển khai hệ thống quản lý nhóm (dựa vào thực tế khi triển khai tổ chức nhóm).

CHÚ THÍCH 1: Yếu tố bên trong bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau: Quy mô nhóm và số lượng thành viên; Phân bố địa lý của diện tích rừng; Năng lực của chủ thể nhóm và các thành viên nhóm; Nguồn lực kỹ thuật và tài chính; Kinh nghiệm và kỹ thuật quản lý rừng; Hệ thống hồ sơ và thông tin hiện có; Cơ chế quản lý và kiểm soát nội bộ.

CHÚ THÍCH 2: Yếu tố bên ngoài bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau: Quy định pháp luật có liên quan; điều kiện tự nhiên và môi trường; điều kiện kinh tế - xã hội địa phương; quan hệ với cộng đồng và các bên liên quan; rủi ro liên quan đến đất đai; điều kiện thị trường.

4.2 Xác định nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan bị ảnh hưởng

4.2.1 Tổ chức nhóm phải xác định rõ các nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan bị ảnh hưởng dựa trên các khía cạnh sau:

- a) Các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi hệ thống quản lý nhóm;
- b) Các mong muốn của các bên liên quan bị ảnh hưởng;
- c) Các thông tin liên quan đến nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan bị ảnh hưởng phải được duy trì dưới dạng thông tin dạng văn bản.

4.3 Xác định phạm vi hệ thống quản lý nhóm

4.3.1 Tổ chức nhóm phải xác định phạm vi của hệ thống quản lý nhóm. Việc xác định phải dựa trên các định nghĩa và thuật ngữ nêu tại Mục 3, bao gồm tổ chức nhóm, chủ thể nhóm, thành viên nhóm, diện tích được chứng nhận, chứng chỉ rừng theo nhóm và tài liệu xác nhận tham gia chứng nhận rừng theo nhóm.

4.3.2 Tổ chức nhóm phải thiết lập đối tượng, phạm vi và giới hạn áp dụng của hệ thống quản lý nhóm.

4.3.3 Tổ chức nhóm phải áp dụng và tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững trong VFCS.

4.3.4 Phạm vi hệ thống quản lý nhóm phải sẵn có dưới dạng thông tin dạng văn bản và phải được cập nhật khi có thay đổi về thành viên, diện tích hoặc tổ chức nhóm.

4.4 Hệ thống quản lý nhóm

4.4.1 Tất cả thành viên nhóm phải chịu sự giám sát và đánh giá nội bộ.

4.4.2 Trường hợp chủ thể nhóm đóng vai trò thương mại các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng mà sản phẩm này không nằm trong phạm vi chứng chỉ nhóm thì phải có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC CoC.

5 Yêu cầu cụ thể

5.1 Chức năng và trách nhiệm của chủ thể nhóm

5.1.1 Xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống quản lý hiệu quả cho các thành viên nhóm, bao gồm các nội dung sau:

- a) Các quy trình, quy định bằng văn bản cho việc quản lý của tổ chức nhóm;
- b) Quy trình, quy định văn bản và hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ cho việc kết nạp thêm thành viên mới của tổ chức nhóm. Thủ tục kết nạp thành viên mới phải bao gồm tối thiểu việc xác minh thông tin của người tham gia như địa chỉ liên lạc cụ thể, hồ sơ rừng và đất rừng tham gia, quy mô diện tích và xác minh ngoài thực địa;
- c) Quy trình văn bản cho các hoạt động bao gồm việc đình chỉ và loại trừ thành viên nhóm không tuân thủ quy định của tổ chức nhóm và yêu cầu hành động khắc phục đóng các điểm không phù hợp. Thành viên nhóm bị loại trừ khỏi bất kỳ nhóm chứng nhận nào do sự không tuân thủ sẽ không được kết nạp lại là thành viên trong vòng 12 tháng kể từ khi bị loại trừ.

5.1.2 Tổ chức xây dựng phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) của nhóm và công khai bản tóm tắt phương án QLRBV; tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện phương án QLRBV.

5.1.3 Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho thành viên nhóm và người lao động về các nội dung liên quan đến quản lý rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững áp dụng trong VFCS.

5.1.4 Đại diện cho tổ chức nhóm trong quá trình đánh giá chứng nhận quản lý rừng bền vững, bao gồm việc trao đổi và liên hệ với tổ chức chứng nhận (CB), đệ trình hồ sơ chứng nhận, lựa chọn và ký kết hợp đồng với tổ chức chứng nhận.

5.1.5 Lưu trữ các thông tin dạng văn bản, gồm:

- a) Sự tuân thủ của chủ thể nhóm và thành viên nhóm đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và các yêu cầu áp dụng trong VFCS;

- b) Hồ sơ của toàn bộ thành viên nhóm, bao gồm địa chỉ liên lạc, quy mô diện tích, tọa độ địa lý, hồ sơ rừng và đất rừng của họ;
- c) Hồ sơ về diện tích đã được chứng nhận;
- d) Hồ sơ liên quan đến quá trình triển khai quy trình giám sát nội bộ, hoạt động rà soát và bất kỳ hoạt động phòng ngừa và/hoặc khắc phục nào đã được thực hiện.

5.1.6 Xây dựng mối liên hệ với tất cả các thành viên nhóm trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản có tính ràng buộc, trong đó phải bao gồm cam kết của thành viên nhóm về việc tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững áp dụng trong VFCS. Chủ thể nhóm phải có hợp đồng bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản khác với tất cả thành viên nhóm bao gồm quyền của chủ thể nhóm để thực hiện và thực thi bất kỳ biện pháp khắc phục hoặc phòng ngừa nào, và quyền loại trừ thành viên nhóm ra khỏi phạm vi chứng nhận trong trường hợp họ không tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của và các yêu cầu khác của VFCS.

CHÚ THÍCH: Các quy định về cam kết đối với thành viên nhóm và hợp đồng hoặc những văn bản thỏa thuận khác của các thành viên nhóm có thể được thay thế bằng cam kết và biên bản thỏa thuận của một tổ chức trước đó hoặc sự tham gia vào một nhóm của các thành viên đã có trước đó, ví dụ như chủ rừng/hiệp hội, với điều kiện tổ chức đó có thể chứng minh được rằng mình có thẩm quyền pháp lý để đại diện cho thành viên nhóm tham gia, và rằng các cam kết cũng như các điều khoản và điều kiện của hợp đồng có thể được thực thi.

5.1.7 Cung cấp cho tất cả thành viên nhóm một văn bản xác nhận sự tham gia của họ vào chứng nhận quản lý rừng theo nhóm.

5.1.8 Cung cấp cho tất cả thành viên nhóm những thông tin và hướng dẫn được yêu cầu nhằm triển khai và duy trì hiệu quả sự tuân thủ các quy định về quản lý rừng bền vững và các quy định khác áp dụng trong VFCS.

5.1.9 Giải quyết những vấn đề không phù hợp được xác định theo quy định của VFCS và PEFC, nếu được báo cáo từ các thành viên nhóm để đảm bảo việc tuân thủ được thực hiện với tất cả các thành viên nhóm.

5.1.10 Xây dựng và thực hiện kế hoạch giám sát nội bộ phục vụ cho việc đánh giá sự tuân thủ của các thành viên nhóm với các quy định chứng nhận.

5.1.11 Xây dựng và thực hiện kế hoạch đánh giá nội bộ hàng năm cho thành viên nhóm và chủ thể nhóm.

5.1.12 Thực hiện việc xem xét của lãnh đạo nhóm đối với chứng nhận rừng theo nhóm và thực hiện các hành động dựa trên kết quả xem xét đó.

5.1.13 Cung cấp đầy đủ sự hợp tác và hỗ trợ trong việc đáp ứng hiệu quả tất cả các yêu cầu từ tổ chức chứng nhận (CB), tổ chức công nhận (AB), hoặc Văn phòng chứng chỉ quản lý rừng bền vững (VFCO) về các thông tin dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin khác có liên quan; cho phép tiếp cận khu vực rừng được quản lý bởi tổ chức nhóm và các địa điểm, cơ sở vật chất, phương tiện liên quan khác trong khuôn khổ các cuộc đánh giá hoặc xem xét chính thức, hoặc các hoạt động khác có liên quan, hoặc có ảnh hưởng đến đến hệ thống quản lý.

5.2 Chức năng và nhiệm vụ của thành viên nhóm

5.2.1 Cam kết bằng văn bản về tuân thủ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và các yêu cầu khác áp dụng trong VFCS; thành viên nhóm bị khai trừ ra khỏi nhóm không được kết nạp trở lại trong vòng 12 tháng tính từ khi bị loại ra khỏi nhóm.

CHÚ THÍCH: Các quy định về cam kết đối với thành viên nhóm và hợp đồng hoặc những văn bản thỏa thuận khác của các thành viên nhóm có thể được thay thế bằng cam kết và biên bản thỏa thuận của một tổ chức trước đó hoặc sự tham gia vào một nhóm của các thành viên đã có trước đó, ví dụ như chủ rừng/hiệp hội, với điều kiện tổ chức đó có thể chứng minh được rằng mình có thẩm quyền pháp lý để đại diện cho thành viên nhóm tham gia, và rằng các cam kết cũng như các điều khoản và điều kiện của hợp đồng có thể được thực thi.

5.2.2 Cung cấp cho chủ thể nhóm những thông tin về việc đã từng gia nhập nhóm trước đây.

5.2.3 Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và các quy định khác của VFCS.

5.2.4 Cung cấp đầy đủ sự hợp tác và hỗ trợ nhằm đáp ứng hiệu quả tất cả những yêu cầu từ **chủ thể nhóm** hoặc tổ chức chứng nhận (CB) về các thông tin dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin khác có liên quan; cho phép tiếp cận khu vực rừng được quản lý bởi tổ chức nhóm và các địa điểm, cơ sở vật chất, phương tiện liên quan khác trong khuôn khổ các cuộc đánh giá hoặc xem xét chính thức, hoặc các hoạt động khác có liên quan, hoặc có ảnh hưởng đến đến hệ thống quản lý.

5.2.5 Thông báo cho chủ thể nhóm về những điểm không phù hợp đã được xác định theo các chứng nhận VFCS khác mà thành viên nhóm tham gia ngoài chứng nhận nhóm này.

5.2.6 Thực hiện các biện pháp khắc phục và phòng ngừa có liên quan được xây dựng bởi chủ thể nhóm.

5.3 Cam kết và quy định

5.3.1 Chủ thể nhóm phải đưa ra các cam kết và quy định sau:

- a) Tuân thủ các quy định về quản lý rừng bền vững và những quy định khác áp dụng trong VFCS;
- b) Tích hợp các quy định về chứng nhận quản lý rừng theo nhóm vào hệ thống quản lý nhóm;
- c) Cải tiến liên tục hệ thống quản lý nhóm;
- d) Hỗ trợ liên tục thành viên nhóm trong việc cải thiện về quản lý rừng và đất lâm nghiệp bền vững.

5.3.2 Cam kết của chủ thể nhóm có thể là một phần của quy định quản lý nhóm và phải được công bố rộng rãi dưới dạng văn bản khi có yêu cầu.

5.3.3 Thành viên nhóm phải đưa ra các cam kết sau:

- a) Tuân thủ các quy định của hệ thống quản lý;
- b) Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững trong hoạt động của mình tại diện tích rừng mình quản lý.

5.4 Lập kế hoạch

5.4.1 Nếu tổ chức nhóm có bất kỳ sự thay đổi nào trong hệ thống quản lý nhóm thì những thay đổi này phải được thể hiện trong kế hoạch quản lý nhóm.

5.4.2 Nếu một tổ chức nhóm quyết định tuân thủ các quy định về quản lý rừng bền vững ở cấp độ nhóm, thì những yêu cầu này phải được đề cập trong kế hoạch quản lý nhóm.

5.5 Hỗ trợ

5.5.1 Phải xác định và đáp ứng những nguồn lực cần thiết cho việc xây dựng, thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý nhóm.

5.5.2 Phải xác định năng lực cần thiết của nguồn nhân lực làm việc trong hệ thống quản lý nhóm.

5.5.3 Phải thực hiện các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của thành viên nhóm liên quan đến:

- a) Các quy định về quản lý nhóm;
- b) Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững;
- c) Sự đóng góp của thành viên nhóm vào hiệu quả của hệ thống quản lý nhóm và quản lý rừng bền vững; bao gồm cả lợi ích của việc cải thiện kết quả hoạt động của nhóm;
- d) Các hậu quả của việc không tuân thủ đối với các yêu cầu của hệ thống quản lý nhóm.

5.5.4 Các hoạt động trao đổi thông tin nội bộ và bên ngoài có liên quan đến hệ thống quản lý nhóm phải được xác định, bao gồm:

- a) Truyền đạt về cái gì;
- b) Truyền đạt khi nào;
- c) Truyền đạt tới ai;
- d) Truyền đạt như thế nào.

5.5.5 Phải có các cơ chế phù hợp để giải quyết các khiếu nại và tranh chấp liên quan đến quản lý nhóm và hoạt động quản lý rừng bền vững.

5.5.6 Các thông tin dạng văn bản liên quan đến hệ thống quản lý nhóm và phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững phải:

- a) Được cập nhật;
- b) Sẵn có và phù hợp để sử dụng tại nơi và thời điểm cần thiết;
- c) Được bảo vệ đầy đủ để tránh trình trạng rò rỉ thông tin, sử dụng thông tin không đúng cách hoặc mất tính toàn vẹn.

5.6 Quản lý hoạt động của nhóm

5.6.1 Tổ chức nhóm phải lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát các quá trình cần thiết:

- a) Để đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn chứng nhận nhóm và tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững;
- b) Để thực hiện các hoạt động đã được xác định/lập kế hoạch (xem 5.4).

5.6.2 Việc lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát phải được thực hiện bằng cách:

- a) Xác định các quá trình cần thiết và xây dựng các tiêu chí cho những quy trình đó;
- b) Thực hiện kiểm soát các quá trình theo các tiêu chí;
- c) Lưu giữ thông tin dạng văn bản ở mức độ cần thiết để đảm bảo rằng các quá trình đã được thực hiện theo đúng kế hoạch.

5.7 Giám sát và đánh giá

5.7.1 Chủ thể nhóm phải xây dựng kế hoạch giám sát nội bộ và cung cấp những bằng chứng xác thực về sự tuân thủ của tổ chức nhóm trong việc thực hiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững. Cụ thể, các bằng chứng này sẽ được xác định thông qua các yêu cầu dưới đây:

- a) Giám sát và đo lường cái gì;
- b) Phương pháp giám sát, đo lường, phân tích và đánh giá có thể áp dụng để đảm bảo kết quả phù hợp;
- c) Thời điểm thực hiện giám sát và đo lường phải được thực hiện;
- d) Khi nào thực hiện phân tích và đánh giá kết quả từ hoạt động giám sát và đo lường;
- e) Thông tin dạng văn bản nào phải có để làm bằng chứng cho những kết quả;
- f) Tần suất giám sát phải được xác định phù hợp với mức độ rủi ro của thành viên nhóm và kết quả đánh giá trước đó.

5.7.2 Chủ thể nhóm phải đánh giá năng lực quản lý nhóm và hiệu quả của hệ thống quản lý nhóm liên quan đến việc thực hiện các quy định quản lý rừng bền vững.

5.8 Đánh giá nội bộ

5.8.1 Chủ thể nhóm phải thực hiện đánh giá nội bộ hằng năm và cung cấp thông tin để xem xét hệ thống quản lý nhóm:

5.8.1.1 Có phù hợp với:

- a) Các yêu cầu do tổ chức nhóm thiết lập đối với hệ thống quản lý nhóm của mình;
- b) Các quy định của tiêu chuẩn chứng nhận theo nhóm VFCS/PEFC ST 1004.

5.8.1.2 Bảo đảm việc thực hiện và tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững ở cấp độ thành viên nhóm.

5.8.1.3 Được thực hiện và duy trì một cách hiệu quả.

5.8.2 Kế hoạch đánh giá nội bộ phải bao gồm cả chủ thể nhóm và tất cả thành viên nhóm. Chủ thể nhóm phải được đánh giá hàng năm, trong khi thành viên nhóm có thể được lựa chọn để đánh giá trên cơ sở chọn mẫu.

5.8.3 Kế hoạch đánh giá nội bộ phải bao gồm các thông tin dưới đây:

- a) Lập kế hoạch, xây dựng, thực hiện và duy trì một hoặc nhiều kế hoạch đánh giá bao gồm tần suất, phương pháp, trách nhiệm, yêu cầu lập kế hoạch và báo cáo. Việc này cần phải cân nhắc đến tầm quan trọng của các quy trình liên quan và kết quả của các đợt đánh giá trước đó;
- b) Nêu rõ các tiêu chí đánh giá và phạm vi cho mỗi cuộc đánh giá;
- c) Năng lực của đánh giá viên nội bộ (kiến thức liên quan đến rừng và tiêu chuẩn);
- d) Lựa chọn chuyên gia đánh giá và thực hiện đánh giá để đảm bảo tính khách quan và sự công bằng của quá trình đánh giá;
- e) Phải đảm bảo rằng kết quả đánh giá được báo cáo cho quản lý nhóm có liên quan;
- f) Lưu trữ các thông tin dạng văn bản như là bằng chứng của hoạt động thực hiện kế hoạch đánh giá và các kết quả đánh giá.

5.8.4 Lựa chọn thành viên nhóm cho đánh giá nội bộ

5.8.4.1 Tổ chức nhóm phải xây dựng quy định lựa chọn thành viên nhóm cho đánh giá nội bộ, bao gồm các nội dung sau:

- a) Xác định cỡ mẫu/số lượng thành viên nhóm (xem **5.8.5**);
- b) Xác định nhóm mẫu (xem **5.8.6**);
- c) Phân bổ dung lượng mẫu theo các nhóm mẫu (xem **5.8.7**);
- d) Lựa chọn thành viên nhóm (xem **5.8.8**).

5.8.4.2 Trường hợp có tổ chức hoặc nhóm đã tồn tại trước đó hoặc nhóm có cấu trúc thành viên nhiều cấp (ví dụ: Hội chủ rừng và các thành viên, hợp tác xã và các thành viên), việc lấy mẫu phải:

- a) Được thực hiện ở cả cấp tổ chức trung gian và cấp thành viên nhóm;
- b) Được xác định và phân bổ trên cơ sở phân tích rủi ro, có xem xét mức độ phức tạp của cấu trúc, sự phân tán địa lý và kết quả đánh giá trước đó;
- c) Mẫu được điều chỉnh tăng trong trường hợp phát hiện sự không phù hợp mang tính hệ thống hoặc khi hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức trung gian chưa chứng minh được tính hiệu lực;
- d) Lập thông tin dạng văn bản làm bằng chứng cho phương pháp và quyết định lấy mẫu.

5.8.5 Cỡ mẫu phải được xác định trên cơ sở:

5.8.5.1 Số lượng thành viên nhóm tham gia quản lý rừng theo nhóm.

5.8.5.2 Cỡ mẫu thường nên bằng căn bậc hai của tổng số thành viên nhóm ($y=\sqrt{x}$), làm tròn lên số nguyên dương.

5.8.5.3 Cỡ mẫu có thể được điều chỉnh theo một hoặc nhiều tiêu chí dưới đây:

- a) Trường hợp có kết quả đánh giá rủi ro, dựa vào kết quả này mức điều chỉnh cỡ mẫu của nhóm rủi ro thấp hoặc cao phải được xác định;
- b) Kết quả của đánh giá nội bộ hoặc các đánh giá chứng nhận trước đó;
- c) Chất lượng/mức độ tin cậy của kế hoạch giám sát nội bộ;
- d) Sử dụng công nghệ để thu thập thông tin liên quan đến từng yêu cầu cụ thể;

CHÚ THÍCH: Các công nghệ được sử dụng ở đây có thể là: sử dụng dữ liệu vệ tinh hoặc thiết bị bay không người lái mà qua đó cho phép kết luận việc tuân thủ các yêu cầu cụ thể của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững hoặc hỗ trợ lấy mẫu dựa trên sự đánh giá rủi ro.

- e) Dựa trên các phương thức khác để thu thập thông tin về các hoạt động thực tế.

CHÚ THÍCH: phương thức khác có thể là khảo sát với những người tham gia cung cấp một số thông tin về các hoạt động thực tế của họ

5.8.6 Xác định các nhóm mẫu dựa trên:

5.8.6.1 Kết quả đánh giá rủi ro và các chỉ số sử dụng đánh giá rủi ro. Các chỉ số sau đây có thể được sử dụng để đánh giá rủi ro:

- a) Loại hình sở hữu (ví dụ: rừng thuộc quản lý nhà nước, rừng thuộc quản lý của cộng đồng, rừng của hộ gia đình, cá nhân);
- b) Quy mô của các đơn vị quản lý (chia thành các nhóm diện tích khác nhau);
- c) Khu vực địa sinh học (ví dụ: vùng đồng bằng, vùng núi thấp, vùng núi cao);
- d) Hoạt động, quy trình và sản phẩm của thành viên nhóm tiềm năng;
- e) Mất rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng;
- f) Chu kỳ kinh doanh;
- g) Mức độ đa dạng sinh học;
- h) Chức năng giải trí và các chức năng kinh tế xã hội khác của rừng;
- i) Sự phụ thuộc và tương tác qua lại giữa cộng đồng và người dân địa phương;
- j) Các nguồn lực sẵn có cho các hoạt động quản trị, điều hành, đào tạo và nghiên cứu;
- k) Quản trị và thực thi pháp luật;
- l) Gần các khu bảo tồn, khu có nguy cơ phá rừng cao.

5.8.6.2 Các điều kiện có thể dẫn đến những rủi ro cho từng chỉ số ở mức thấp, trung bình và cao và hệ quả tương ứng đối với việc lấy mẫu phải được xác định.

5.8.7 Phân bổ dung lượng mẫu theo các nhóm mẫu dựa trên kết quả đánh giá rủi ro.

5.8.8 Lựa chọn thành viên nhóm phải:

5.8.8.1 Bảo đảm ít nhất 25% dung lượng mẫu được chọn ngẫu nhiên.

5.8.8.2 Có quy trình lựa chọn thành viên nhóm dựa trên phân tích rủi ro.

5.9 Xem xét của lãnh đạo nhóm

5.9.1 Phải thực hiện hằng năm và bao gồm các nội dung sau:

5.9.1.1 Tình trạng thực hiện các hành động từ các xem xét của lãnh đạo nhóm ở năm trước đó.

5.9.1.2 Các thay đổi từ các vấn đề bên ngoài và bên trong có liên quan đến hệ thống quản lý nhóm.

5.9.1.3 Tình trạng tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, bao gồm việc xem xét kết quả của kế hoạch giám sát nội bộ, đánh giá nội bộ và các hoạt động đánh giá và giám sát của tổ chức chứng nhận.

5.9.1.4 Thông tin về thực hiện quản lý rừng của nhóm, bao gồm các xu hướng trong việc:

- a) Sự không phù hợp và hành động khắc phục;
- b) Kết quả giám sát và đo lường;
- c) Kết quả đánh giá.

5.9.1.5 Các cơ hội tiếp tục cải thiện hệ thống quản lý nhóm.

5.9.2 Kết quả xem xét của lãnh đạo phải bao gồm các quyết định liên quan đến các cơ hội cải tiến liên tục và bất kỳ nhu cầu thay đổi nào đối với **hệ thống quản lý nhóm**.

5.9.3 Tổ chức nhóm phải lưu trữ thông tin dạng văn bản để làm bằng chứng về kết quả xem xét của lãnh đạo nhóm.

5.10 Sự cải tiến

5.10.1 Khi phát hiện sự không phù hợp trong quản lý rừng, tổ chức nhóm phải:

5.10.1.1 Có hành động khắc phục sự không phù hợp, ví dụ:

- a) Thực hiện hành động kiểm soát và khắc phục sự không phù hợp;

b) Giải quyết hậu quả.

5.10.1.2 Đánh giá sự cần thiết cần phải có hành động để loại bỏ các nguyên nhân của sự không phù hợp, để đảm bảo rằng nó sẽ không tái diễn hoặc xảy ra ở nơi khác, bằng cách:

- a) Xem xét những điểm không phù hợp;
- b) Xác định nguyên nhân của sự không phù hợp;
- c) Xác định những sự việc không tuân thủ tương tự có còn tồn tại, hoặc có khả năng xảy ra hay không.

5.10.1.3 Thực hiện bất kỳ hành động cần thiết nào.

5.10.1.4 Rà soát hiệu quả của những hành động khắc phục đã được thực hiện. Việc rà soát phải được thực hiện trong thời gian phù hợp với tính chất và mức độ của sự không phù hợp.

5.10.1.5 Thay đổi hệ thống quản lý nhóm, nếu cần thiết.

5.10.2 Tổ chức nhóm phải lưu trữ thông tin dạng văn bản để làm bằng chứng về:

5.10.2.1 Bản chất của sự không phù hợp và bất kỳ hành động tiếp theo nào được thực hiện.

5.10.2.2 Kết quả của bất kỳ hành động khắc phục nào.

5.10.3 Thành viên nhóm bị loại khỏi nhóm nếu muốn được kết nạp lại vào nhóm thì họ phải được đánh giá nội bộ bởi chủ thể nhóm. Việc đánh giá nội bộ này phải tiến hành sau ít nhất 12 tháng kể từ ngày thành viên đó bị loại ra khỏi nhóm.

5.10.4 Cải thiện liên tục hệ thống quản lý nhóm phải bảo đảm sự phù hợp, đầy đủ và hiệu quả trong thực hiện quản lý rừng bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1] ISO/IEC Directives, *Part 1 — Consolidated ISO Supplement — Procedures specific to ISO*. Edition, 2024
 - [2] IAF MD 1:2023, *IAF Mandatory Document for the Audit and Certification of a Management System Operated by a Multi-Site Organization* (Tài liệu bắt buộc của IAF về đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý được vận hành bởi tổ chức có nhiều địa điểm).
 - [3] TCVN ISO/IEC 17000, *Đánh giá sự phù hợp – Từ vựng và các nguyên tắc chung*
 - [4] PEFC ST 1002:2018, *Group Forest Management Certification – Requirements* (Chứng nhận quản lý rừng theo nhóm – Các yêu cầu)
 - [5] VFCS/PEFC ST 1003:2026, *Quản lý rừng bền vững – Các yêu cầu*
 - [6] VFCS/PEFC ST 1004:2019, *Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm*
 - [7] Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
 - [8] Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng.
-